

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 6 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Hoàng Đức Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thu T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 10, khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 1, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thu T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị kết hôn với anh Lê Văn H trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 08 năm 2014. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh H tại thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H

không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng xúc phạm cãi vã lẫn nhau. Cũng vào cuối năm 2016, anh H đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh; chị T đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi hết thời gian cai nghiện, anh H có tìm gọi chị T và các con về chung sống nhưng chị T không về, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay, chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Văn H. Chị và anh H có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014 và Lê Bảo A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2016. Hiện nay, anh H đang nuôi con tên Lê Gia B và chị T đang nuôi con tên Lê Bảo A. Khi ly hôn, chị T đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Chị và anh H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn H là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thu T được ly hôn anh Lê Văn H; đề nghị giao con Lê Gia B cho anh Lê Văn H; giao con Lê Bảo A cho chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Lê Văn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Phạm Thu T ly hôn với anh Lê Văn H

Chị Phạm Thu T và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố Hải

Phòng. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do anh H mãi chơi và mắc nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặt khác, tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ cuối năm 2016, nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt, vợ chồng không có công việc và thu nhập ổn định dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Thực tế, chị T và anh H không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Chị T xin ly hôn, anh H vắng mặt tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, thể hiện anh H không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh H.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Phạm Thu T và anh Lê Văn H có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014 và Lê Bảo A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2016. Xét thấy, hiện nay anh H đang trực tiếp nuôi con Lê Gia B và chị T đang trực tiếp nuôi con Lê Bảo A. Việc nuôi con đã ổn định, các con đều được chăm sóc, học tập và phát triển bình thường. Chị T và anh H đều là lao động tự do và đang đảm bảo thực hiện được nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Bảo A, giao anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Gia B là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T đề nghị tự thỏa thuận với anh H về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, chị Phạm Thu T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Mặt khác không có lời khai của anh Lê Văn H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Phạm Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thu T được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Gia B, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014; giao cho chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2016 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0015794 ngày 29/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Phạm Thu T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Gia Minh, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân